TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2020
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bính;

2. Bà Lê Thị Kiều Thu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Biện Anh Huy – Thư ký Tòa án nhân thành phố P

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 186/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn: Bà Phạm Thụy Thùy T,* sinh năm 1987
Địa chỉ: số 14 L, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

+ *Bị đơn: Ông Nguyễn Duy K,* sinh năm 1982
Địa chỉ: Số 14 L, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phạm Thụy Thùy T, trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và ông Nguyễn Duy K tự nguyện tìm hiểu yêu thương sau đó đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P1. Quá trình chung sống giữa chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về nhiều mặt cuộc sống và cách nuôi dạy con cái. Chúng tôi đã ly thân một thời gian dài, không thể hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không

còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa chúng tôi đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Duy K.

- *Về con chung:* Chúng tôi có 02 người con chung là:

1/ Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/4/2015

2/ Nguyễn Phúc K, sinh ngày 30/7/2017

Sau khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi 2 con. Không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Nguyễn Duy K trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* tôi và bà Phạm Thụy Thùy T tự nguyện tìm hiểu yêu thương, sau đó đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P1. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng từ khoảng 1 năm trở lại đây giữa chúng tôi phát sinh mâu thuẫn do chúng tôi có những quan điểm sống khác nhau. Tôi xác định còn tình cảm với bà T, hơn nữa mâu thuẫn giữa chúng tôi là mâu thuẫn nhỏ, không đến mức phải ly hôn nên nay bà T có đơn yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý.

- *Về con chung:* Chúng tôi có 02 người con chung là:

1/ Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/4/2015

2/ Nguyễn Phúc K, sinh ngày 30/7/2017

Giả sử Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T thì tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/4/2015, đồng ý giao con Nguyễn Phúc K, sinh ngày 30/7/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về con chung giao 2 con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/4/2015 và Nguyễn Phúc K, sinh ngày 30/7/2017 cho bà Phạm Thụy Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung ông K và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Duy K, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thụy Thùy T về việc *"Ly hôn, nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P.

[2] - Nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy: quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thụy Thùy T và ông Phạm Duy K tự nguyện tìm hiểu yêu thương sau đó đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn số 61/2014, quyển số 01/2014 ngày 06/5/2014 tại Ủy ban nhân dân phường P1, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống giữa ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về nhiều mặt cuộc sống và cách nuôi dạy con cái, đã ly thân một thời gian dài, không thể hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Duy K.

Tại phiên hòa giải ngày 16/6/2020 bà T trình bày: Giữa bà và ông K không còn tình cảm vợ chồng, sống ly thân nhau đã lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể cứu vãn được nữa nên bà yêu cầu ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay ông K cho rằng vẫn còn tình cảm với vợ, không đồng ý ly hôn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Duy K và bà Phạm Thụy Thùy T tự nguyện tìm hiểu yêu thương sau đó đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn số 61/2014, quyển số 01/2014 ngày 06/5/2014 tại Ủy ban nhân dân phường P1, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống giữa ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về nhiều mặt cuộc sống và cách nuôi dạy con cái, đã sống ly thân một thời gian dài, không thể hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Duy K.

Nhận thấy việc bà Phạm Thụy Thùy T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Duy K là hoàn toàn chính đáng. Từ những nhận định trên yêu cầu xin ly hôn của bà T thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu xin ly hôn của bà T được chấp nhận.

[4] Về con chung: có 02 người con chung là:

1/ Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/4/2015

2/ Nguyễn Phúc K, sinh ngày 30/7/2017

Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 2 con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con vì con còn quá nhỏ hơn nữa ông K làm nghề tài xế không có thời gian chăm sóc con, bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của bà T là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Cháu Nguyễn Bảo N, sinh năm 2015 và cháu Nguyễn Phúc K, sinh năm 2017, 2 cháu còn quá nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ, ông K làm nghề tài xế không có thời gian để chăm sóc con nhỏ. Mặc khác nếu giao cháu Nghi cho ông K chăm sóc, không phù hợp vì cháu là gái cần sự quan tâm chăm sóc và tình cảm của mẹ, nếu tách xa mẹ sẽ gây tâm lý không tốt cho trẻ. Vì lẽ đó giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Phạm Thụy Thùy T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu quan điểm vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung về con chung giao con chung tên Nguyễn Bảo N - sinh ngày 15/4/2015 và Nguyễn Phúc K, sinh ngày 30/7/2017 cho bà Phạm Thụy Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hợp lý nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/<u>Áp dụng</u>:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ <u>Tuyên xử</u>:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thụy Thùy T .

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thụy Thùy T được ly hôn ông Nguyễn Duy K.

- Về con chung: Giao 2 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/4/2015, giới tính nữ và Nguyễn Phúc K, sinh ngày 30/7/2017, giới tính nam cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T chưa yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bà T và ông K vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- **Về án phí**: Bà Phạm Thụy Thùy T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0007467 ngày 13/5/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P thu. Bà T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Quyền kháng cáo bản án của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/7/2020).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Dũng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp.P;
- Chi cục THA dân sự TP.P;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.